

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28-02-2025

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Trung Thống.

Ông Phạm Văn Ngải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thúy Lam – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tính – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 455/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2024 về việc “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2025 và Thông báo về việc dời ngày mở phiên tòa số 05/TB-HĐXXST ngày 25 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm: 2001 (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*).

Địa chỉ: ấp H, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1996 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: khóm H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09-8-2024, các bản tự khai ngày 15-11-2024, 22-11-2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T1 tự tìm hiểu quen biết nhau, bắt đầu chung sống như vợ chồng từ năm 2017, được cha mẹ hai bên chấp nhận, không làm lễ cưới nên không có nữ trang cưới. Nhưng chị và anh T1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C vào ngày 28-6-2019. Thời gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc. Nhưng từ đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh T1

nghiện ma túy, chị và gia đình bên nhà chồng không hòa thuận, anh T1 còn đánh chị, chị khuyên ngăn mà anh không từ bỏ ma túy, sau đó anh T1 bị bắt đi cai nghiện, nên chị và anh T1 đã sống ly thân nhau từ tháng 12 năm 2019 đến nay. Hết thời gian cai nghiện anh T1 trở về, vợ chồng không thể hàn gắn được, thường hay cự cãi. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn, nên chị khởi kiện xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn T1 chỉ có một con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc T2, sinh ngày 24-8-2018. Thời gian chị và anh T1 sống ly thân đến nay con chung sống với anh T1 và gia đình bên nội. Khi ly hôn, chị đồng ý giao quyền nuôi dưỡng con chung cho anh T1, không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị xác định ngoài những giấy tờ đã nộp có trong hồ sơ vụ án, chị không nộp thêm chứng cứ. Chị cũng không thuộc diện gia đình chính sách nào.

Tại bản tự khai ngày 15-11-2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn T1 trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Ánh T đi đến hôn nhân do tự quen biết nhau, chung sống vào khoảng năm 2017, không làm lễ cưới, nhưng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn C. Thời gian chung sống hạnh phúc được đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, do chị T có tình cảm nam nữ với người khác, tự ý bỏ đi khỏi nhà chồng và sống ly thân với anh cho đến nay. Nay chị T xin ly hôn, thì anh không đồng ý.

Về con chung: Là cháu Nguyễn Thị Ngọc T2, sinh ngày 24-8-2018, đang sống chung với anh. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, thì anh yêu cầu nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Anh thống nhất xác định không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Anh không nộp chứng cứ gì cho Tòa án xem xét, anh cũng không thuộc diện gia đình chính sách nào.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị T và bị đơn anh T1 đều vắng mặt, nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố

tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự; Đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 54, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ánh T: Cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc T2, sinh ngày 24-8-2018 cho anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T, anh T1 chưa yêu cầu giải quyết, nên không xem xét; Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh T1 cùng xác định không có, nên không xem xét. Ngoài ra, V đề nghị các đương sự có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Càng Long nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị Nguyễn Thị Ánh T là nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Đối với anh Nguyễn Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Nguyễn Văn T1 chung sống như vợ chồng từ năm 2017, sau đó đăng ký kết hôn xác lập hôn nhân hợp pháp tại Ủy ban nhân dân thị trấn C vào ngày 28-6-2019. Thời gian chung sống hạnh phúc được đến năm 2019 (theo chị T xác định), năm 2020 (theo anh T1 xác định) thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Chị T cho rằng do việc sống chung gia đình chồng không hòa thuận, anh T1 nghiện ma túy và đánh chị, nên chị mới rời khỏi nhà chồng đến nay. Còn anh T1 cho rằng do chị T có tình cảm nam nữ với người khác rồi tự ý bỏ đi đến nay. Như vậy, anh chị đã sống ly thân nhau hơn 05 năm mà không hàn gắn lại được. Do tình cảm vợ chồng không còn, nên chị T cương quyết xin ly hôn với anh T1, nhưng anh T1 không đồng ý.

[3] Xét thấy gia đình là tế bào của xã hội, là cái nôi nuôi dưỡng con người, là môi trường quan trọng để hình thành và giáo dục nhân cách con người, gia đình tốt thì xã hội mới tốt, xã hội tốt thì gia đình càng tốt. Do đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững. Chị T và anh T1 đã có thời gian chung sống hạnh phúc với nhau. Quá trình sống chung, có những lúc chưa thống nhất về quan điểm cuộc sống, về cách ứng xử giao tiếp với nhau, đáng lẽ ra

anh chị phải biết tự điều chỉnh hành vi bản thân, xử sự có lý, có tình, cùng góp ý, tôn trọng lẫn nhau để tìm cách giải quyết mọi vấn đề phát sinh trong cuộc sống hôn nhân một cách tốt đẹp nhất, để bảo vệ hạnh phúc gia đình. Nhưng khi bất hòa xảy ra, vợ, chồng không kiềm chế được hành vi và cách cư xử của bản thân, dẫn đến cự cãi, tự ý sống ly thân, bỏ mặc nhau, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt và dần mất đi.

[4] Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau,...*”; Điều 21 Luật Hôn nhân và gia đình quy định “*Vợ, chồng có nghĩa vụ tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau*”. Nhưng chị T, anh T1 đã không thực hiện được các nghĩa vụ này với nhau.

[5] Qua xác minh của Tòa án với chính quyền địa phương khóm H, thị trấn C cho biết anh T1 là đối tượng nghiện ma túy thuộc diện quản lý của địa phương, anh T1 có vợ là chị T, vợ chồng họ có sinh sống tại địa phương khóm 8 chung nhà với cha mẹ ruột của anh T1; Mặc dù chính quyền địa phương không nắm rõ mâu thuẫn hôn nhân giữa chị T với anh T1, nhưng có biết chị T đã khỏi nhà chồng thời gian cách nay đã lâu, chị T và anh T1 chỉ có 01 con chung do gia đình bên anh T1 hỗ trợ chăm sóc cho đến nay.

[6] Cha ruột chị T là ông Nguyễn Quốc V1 xác nhận trong bản tự khai ngày 22-11-2024 phần trình bày của chị T về mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T với anh T1 là sự thật.

[7] Ngày 15-11-2024, Tòa án mời hòa giải để chị T, anh T1 có cơ hội gặp nhau trao đổi về tình trạng hôn nhân giữa hai người. Anh chị có mặt, nhưng hòa giải đoàn tụ không thành, chị T cương quyết ly hôn, anh T1 xin đoàn tụ. Tòa án tiếp tục mời hòa giải ngày 22-11-2024 nhưng anh T1 vắng mặt không lý do, không thể hiện mong muốn hòa giải đoàn tụ với chị T.

[8] Theo Thông báo yêu cầu giao nộp chứng cứ của Tòa án, anh T1 trực tiếp ký nhận. Nhưng cho đến phiên tòa hôm nay, anh T1 vẫn không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh khả năng đoàn tụ hạnh phúc với chị T.

[9] Từ những nhận định trên, thấy rằng đời sống chung của vợ chồng chị T, anh T1 đang trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Việc chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn và cương quyết ly hôn với anh T1 là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận yêu cầu, cho chị T được ly hôn với anh T1.

[10] *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Nguyễn Văn T1 chỉ có một con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T2, sinh ngày 24-8-2018, thời gian chị T và anh T1 sống ly thân thì con chung sống ổn định bên nhà nội cùng với anh T1. Khi ly hôn, chị T đồng ý giao con cho anh T1 nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con mà tự lo cho con theo khả năng. Đối với anh T1 trong bản tự khai và ý kiến trình bày tại biên bản hòa giải do Tòa án lập ngày 15-11-2024 thì trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn anh đồng ý nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị T cấp

dưỡng nuôi con. Do đó, cần xử cho anh T1 được quyền nuôi con là phù hợp quy định pháp luật. Vì chị T, anh T1 chưa đặt ra yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] *Về tài sản chung*: Tòa án đã giải thích theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nhưng chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Nguyễn Văn T1 thống nhất xác định không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[12] *Về nợ chung*: Do chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Nguyễn Văn T1 cùng thống nhất xác định không nợ ai, cũng không ai nợ anh chị, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[13] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị Ánh T có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

[14] Xét quan điểm của Vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 70, 144, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ánh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Ánh T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T2, sinh ngày 24-8-2018 cho anh Nguyễn Văn T1 nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Nguyễn Văn T1 chưa đặt ra yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Nguyễn Văn T1 thống nhất xác định không có, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Nguyễn Văn T1 thống nhất xác định không nợ ai, cũng không ai nợ anh chị, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ánh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0004695 ngày 22 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND thị trấn Càng Long;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Thảo